



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định MEKONGCERT
Laboratory: **MEKONGCERT Certification and Inspection Joint Stock Company**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định MEKONGCERT
Organization: **MEKONGCERT Certification and Inspection Joint Stock Company**

Số hiệu/ Code: VILAS 1571

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: Hóa
Field: **Chemical**

Người quản lý: Trần Kim Tính
Laboratory manager: **Tran Kim Tinh**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /05/2025 đến ngày /05/2030**

Địa chỉ: 10B đường số 9, Khu dân cư Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Address: **10B 9 Street, Hong Phat Residential, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City**

Địa điểm: 10B, đường số 9, Khu dân cư Hồng Phát, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Location: **10B 9 Street, Hong Phat Residential, An Binh Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City**

Điện thoại/ Tel: 02922.245.599

Email: mekongcert.sale@gmail.com

Website: www.mekongcert.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1571

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Phân bón (không bao gồm phân ure, DAP và phân hỗn hợp) <i>Fertilizers (not included ure, DAP and mixed fertilizers)</i>	Xác định độ ẩm Phương pháp khối lượng <i>Determination of moisture Gravimetric method</i>	0,1 %	TCVN 9297:2012
2.	Phân bón không chứa Nitrơ dạng Nitrate (Không bao gồm phân hỗn hợp) <i>Fertilizers do not contain nitrate nitrogen (not included mixed fertilizers)</i>	Xác định hàm lượng Nitrơ Phương pháp Kjeldahl <i>Determination of Nitrogen content Kjeldahl method</i>	0,3 %	TCVN 8557:2010
3.	Phân bón (Không bao gồm phân hỗn hợp, phân super phosphate và phân lân nung chảy) <i>Fertilizers (not included mixed, superphosphate and fused phosphate fertilizers)</i>	Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu Phương pháp UV-Vis <i>Determination of efficient P₂O₅ content UV-vis method</i>	0,6 %	TCVN 8559:2010
4.	Phân bón <i>Fertilizers</i>	Xác định hàm lượng Ca tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Ca content F-AAS method</i>	4,5 mg/kg	TCVN 9284:2018
5.		Xác định hàm lượng Mg tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Mg content F-AAS method</i>	3,6 mg/kg	TCVN 9285:2018

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1571**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
6.	Phân bón <i>Fertilizers</i>	Xác định hàm lượng Fe tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Fe content F-AAS method</i>	1,5 mg/kg	TCVN 9283:2018
7.		Xác định hàm lượng Cu tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Cu content F-AAS method</i>	1,0 mg/kg	TCVN 9286:2018
8.		Xác định hàm lượng Mn tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Mn content F-AAS method</i>	1,25 mg/kg	TCVN 9288:2012
9.		Xác định hàm lượng Zn tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Zn content F-AAS method</i>	2,5 mg/kg	TCVN 9289:2012
10.		Xác định hàm lượng Pb tổng số Phương pháp F-AAS <i>Determination of total Pb content F-AAS method</i>	2,5 mg/kg	TCVN 9290:2018
11.		Xác định hàm lượng Cd tổng số Phương pháp GF-AAS <i>Determination of total Cd content GF-AAS method</i>	1,0 mg/kg	TCVN 9291:2018
12.		Xác định hàm lượng tổng cacbon hữu cơ Phương pháp Walkey-Black <i>Determination of total organic carbon content Walkley-Black method</i>	0,3 %	TCVN 9294:2012

Ghi chú/ Note:

Trường hợp Công ty cổ phần chứng nhận và giám định MEKONGCERT cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần chứng nhận và giám định MEKONGCERT phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the MEKONGCERT certification and inspection joint stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*